TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TP** TỈNH ĐỒNG NAI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 50/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 31-8-2018
V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TP, TỈNH ĐỒNG NAI

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phan Hồng Thạnh**

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông **Nguyễn Trọng Lâm**

Ông **Nguyễn Văn Hải**

Thư ký phiên tòa: Bà **Hoàng Thị Xuân Hồng** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện TP.

Đại diện VKSND huyện TP, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông **Phạm Văn Luật** – Kiển sát viên.

Ngày 31 tháng 8 năm 2018 tại Hội trường xét xử, Tòa án nhân dân huyện TP, tỉnh ĐN xét xử công khai vụ án thụ lý số 194/2018/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 5 năm 2018 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 50/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 7 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 28/2018/QĐST-HNGĐ ngày 17 tháng 8 năm 2018 giữa các đương sự giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Trần Thị Thùy D** – sinh năm: 1997.

Địa chỉ: Số nhà 02, Tổ 3, Ấp 4, xã PA, huyện TP, tỉnh ĐN.

Bị đơn: Anh **Tằng Danh L** – sinh năm: 1997.

Địa chỉ: Số nhà 09, Tổ 1, Ấp 4, xã PA, huyện TP, tỉnh ĐN.

(Chị D có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt; anh L vắng mặt lần thứ hai)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 22/5/2018 và lời khai trong quá trình chuẩn bị xét xử, nguyên đơn chị Trần Thị Thùy D trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Tằng Danh L tự nguyện chung sống như vợ chồng vào năm 2015, có tổ chức lễ cưới nhưng không đăng ký kết hôn

theo quy định của pháp luật. Cuộc sống chung hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình của anh chị không hòa hợp, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, giữa anh chị thường xuyên cãi nhau. Từ tháng 5 năm 2018 cho đến nay, anh chị sống ly thân nhau, trong thời gian ly thân, anh chị không còn quan tâm, chăm sóc nhau. Do tình cảm không còn nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Tằng Danh L.

- Về con chung: Chị và anh L có 01 con chung tên là Trần Hồng Nhung – sinh ngày 12/6/2016. Tại thời điểm làm khai sinh cho con, anh chị chưa đăng ký kết hôn nên trong giấy khai sinh của cháu Nhung không ghi tên người cha. Hiện tại, cháu Nhung đang sống cùng chị D. Khi ly hôn, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu Nhung và không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do không sắp xếp được thời gian và công việc nên chị D yêu cầu được vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm theo quy định.

Trong quá trình chuẩn bị xét xử vụ án, bị đơn anh Tằng Danh L trình bày như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị D tự nguyện chung sống như vợ chồng vào năm 2015, có tổ chức lễ cưới nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Cuộc sống chung hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình không hợp nhau, anh thường xuyên uống rượu, dẫn đến vợ chồng hay cãi nhau. Nay chị D yêu cầu ly hôn, bản thân anh cũng không còn tình cảm với chị D nên anh cũng đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Anh thừa nhận vợ chồng có 01 con chung tên là Trần Hồng Nhung – sinh ngày 12/6/2016. Tại thời điểm đăng ký khai sinh cho con do anh chị chưa đăng ký kết hôn nên trong giấy khai sinh của cháu Nhung không ghi tên người cha. Khi ly hôn, anh đồng ý giao cháu Nhung cho chị D tiếp tục nuôi dưỡng, tạm thời anh không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị D đã cung cấp những tài liệu, chứng cứ sau: Đơn khởi kiện; chứng minh nhân dân và sổ hộ khẩu của chị D (Bản sao); giấy khai sinh của con chung (bản sao); đơn xin xác nhận hộ khẩu của anh L; đơn xin xác nhận không đăng ký kết hôn. Các tài liệu, chứng cứ này nguyên đơn đã sao gửi cho bị đơn.

Để giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ sau: Bản tự khai của nguyên đơn, bị đơn; đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt của chị D; biên bản xác minh tình trạng hôn nhân của các đương sự; thông báo về việc thu thập được tài liệu chứng cứ; thông báo kết quả phiên họp kiểm tra giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cho anh L.

<u>Ý kiến của Kiểm sát viên:</u>

- Về việc tuân theo pháp luật: Từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm trước khi nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, đương sự đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa nên tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là đúng quy định pháp luật.

- Về nội dung vụ án:

+ Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố không công nhận quan hệ hôn nhân giữa chị Trần Thị Thùy D và anh Tăng Danh L là vợ chồng.

+ Về con chung: Đề nghị giao 01 con chung cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm thời miễn việc cấp dưỡng nuôi con cho anh L do chị D không yêu cầu.

+ Về tài sản chung: Chị D và anh L khai báo không có.

+ Về nợ chung: Các đương sự khai báo không có.

+ Về án phí: Chị D phải nộp 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

[1.1] Chị D có đơn khởi kiện ly hôn, tranh chấp về việc nuôi con với anh L. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử, xác định quan hệ pháp luật trong vụ án này là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” và xác định chị D là nguyên đơn, anh L là bị đơn.

[1.2] Bị đơn có nơi cư trú tại Ấp 4, xã PA, huyện TP, tỉnh ĐN. Căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân huyện TP, tỉnh ĐN có thẩm quyền thụ lý giải quyết vụ án.

[1.3] Chị D có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Anh L là bị đơn trong vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ anh L đến Tòa án để tham gia phiên tòa nhưng anh L vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Vì vậy, căn cứ vào điểm b khoản 2 điều 227; khoản 1 và 3 Điều 228; Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án mở phiên tòa xét xử vắng mặt chị D và anh L.

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhận thấy:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị D và L tự nguyện chung sống như vợ chồng vào năm 2015, nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định. Cuộc sống anh chị không hạnh phúc do bất đồng quan điểm, thường xuyên gây gỗ, cãi

nhau. Do anh chị có chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn nên căn cứ vào khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 35/2000/NQ- QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội hướng dẫn thi thành Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000; Thông tư liên tịch số 01/2001/TTLT- TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 03/01/2001 hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000 để giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng.

[2.2] Về con chung: Chị D và anh L cùng thừa nhận có 01 con chung tên là Trần Hồng Nhung – sinh ngày 12/6/2016. Theo anh chị trình bày tại thời điểm đăng ký khai sinh cho cháu Nhung, do anh chị chưa đăng ký kết hôn nên trong giấy khai sinh không ghi tên người cha. Khi ly hôn, anh L đồng ý giao cháu Nhung cho chị D tiếp tục nuôi dưỡng. Xét thấy, hiện nay cháu Nhung dưới 36 tháng tuổi và đang do chị D trực tiếp nuôi dưỡng. Vì vậy, Hội đồng xét xử giao cháu Trần Hồng Nhung cho chị Trần Thị Thùy D trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

Do chị D không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con nên tạm thời anh L chưa phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự kê khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí: Chị D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về yêu cầu ly hôn.

[4] Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TP là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 1 Điều 227, khoản 1 và 3 Điều 228, Điều 235, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Các Điều 14, 51, 53, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội hướng dẫn thi thành Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000; Thông tư liên tịch số 01/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 03/01/2001 hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000;

- Điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Tuyên bố: Không công nhận quan hệ giữa chị Trần Thị Thùy D và anh Tăng Danh L là vợ chồng.

- Về con chung: Giao con chung tên là Trần Hồng Nhung – sinh ngày 12/6/2016 cho chị Trần Thị Thùy D trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm thời miễn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho anh Tăng Danh L do chị Trần ThịThùy D chưa yêu cầu. Anh Tăng Danh L có quyền qua lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được gây trở ngại. Vì L ích của con chung các đương sự được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

2/ Về án phí: Chị Trần Thị Thùy D phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn. Số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) chị D đã nộp tạm ứng án phí tại biên lai thu số 009054 ngày 22/5/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện TP chuyển thành án phí.

3/ Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4/ Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (Mười lăm) ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát nhân dân huyện TP;
- Chi cục THADS huyện TP;
- UBND xã PA, huyện TP, tỉnh ĐN.
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu HS – LT.

THAY MẶT HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Hồng Thạnh